

Số: 6019 /BYT-BMTE

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

V/v tăng cường chỉ đạo thực hiện
chiến dịch làm sạch, làm giàu dữ
liệu trên Cơ sở dữ liệu về trẻ em

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện, ngày 06/7/2026 Bộ Y tế đã ban hành Kế hoạch số 1248/KH-BYT triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành, trong đó có cơ sở dữ liệu về trẻ em¹. Tuy nhiên, sau 1 tháng triển khai chiến dịch, các chỉ tiêu thực hiện đối với CSDL về trẻ em chưa được cải thiện đáng kể, có nguy cơ không đạt được mục tiêu đã đề ra, cụ thể: Tính đến ngày 03/8/2026, Hệ thống ghi nhận có 19.500.520 dữ liệu trẻ em, trong đó có 16.753.060 dữ liệu trẻ em dưới 16 tuổi có mã định danh cá nhân; tỷ lệ trẻ dưới 16 tuổi được cập nhật thành công vào hệ thống mới đạt 79,1%, trong đó có một số tỉnh, thành phố có tỷ lệ cập nhật dữ liệu trẻ em trên hệ thống còn rất thấp (có bảng thống kê kèm theo).

Để đảm bảo hoàn thành tiến độ cập nhật dữ liệu CSDL về trẻ em theo yêu cầu của Ban chỉ đạo Trung ương, Bộ trưởng Bộ Y tế đề nghị đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm, chỉ đạo thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

- Thành lập Tổ dữ liệu theo hướng dẫn tại Kế hoạch số 70/KH-BMTE ngày 17/07/2026; Phân công các thành viên trong Tổ (đặc biệt là cán bộ tư pháp - hộ tịch, công an cấp xã) cung cấp dữ liệu về trẻ em, phối hợp với công chức làm công tác trẻ em cập nhật, đối soát dữ liệu trẻ em để đảm bảo mọi trẻ em đều được quản lý trên cơ sở dữ liệu, đầy đủ số định danh cá nhân và các thông tin theo quy định;

- Chỉ đạo các trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, cảnh sát khu vực, công tác viên dân số - trẻ em tiến hành rà soát thông tin về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ được trợ giúp trên địa bàn theo các phiếu thu thập thông tin, cập nhật dữ liệu, cung cấp thông tin và hỗ trợ công

¹ Thực hiện Kế hoạch số 1248/KH-BYT, ngày 15/7/2026 Cục Bà mẹ và Trẻ em cũng đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 70/KH-BMTE triển khai chiến dịch đối với các CSDL được phân công phụ trách, trong đó CSDL về trẻ em.

chức làm công tác trẻ em cấp xã cập nhật dữ liệu về trẻ em (có biểu mẫu đính kèm);

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai chiến dịch, đảm bảo hoàn thành mục tiêu trên 95% trẻ em trên địa bàn được đăng ký và cập nhật đầy đủ dữ liệu trước ngày 30/9/2026;

- Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả chiến dịch làm sạch, làm giàu dữ liệu trẻ em dưới 16 tuổi trên CSDL về trẻ em về Sở Y tế.

2. Chỉ đạo các Sở Y tế và các sở, ngành liên quan (bao gồm Công an tỉnh, Sở Tư pháp):

- Tăng cường phổ biến, triển khai và lãnh đạo hệ thống ngành dọc phối hợp thực hiện chiến dịch cập nhật thông tin trên CSDL về trẻ em, đặc biệt là ở cấp xã, phường, đặc khu.

- Thành lập Tổ công tác để triển khai, giám sát việc thực hiện chiến dịch tại cơ sở theo Kế hoạch số 70/KH-BMTE ngày 17/07/2026 về việc Triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu các cơ sở dữ liệu của Cục Bà mẹ và Trẻ em; Phân công 01 cán bộ Sở Y tế làm đầu mối theo dõi, đánh giá tiến độ cập nhật dữ liệu trẻ em trên Hệ thống;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ các mục tiêu của chiến dịch; phát hiện những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện và có giải pháp tháo gỡ kịp thời, trường hợp gặp khó khăn về kỹ thuật, lỗi phát sinh trên phần mềm đề nghị liên hệ với Bộ Y tế (Cục Bà mẹ và Trẻ em) để hỗ trợ.

- Tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ hằng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Y tế để tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương.

Kính đề nghị đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Tri Thức;
- Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo;
- Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố (để t/h);
- Lưu: VT, BMTE.

BỘ TRƯỞNG



Đào Hồng Lan

PHỤ LỤC
BẢNG XẾP HẠNG TÌNH HÌNH CẬP NHẬT DỮ LIỆU TRÊN HỆ THỐNG
QUẢN LÝ THÔNG TIN TRẺ EM TẠI CƠ SỞ

TT	Tỉnh/Thành phố	Tổng số trẻ dưới 16 tuổi ²	Số trẻ có hồ sơ trên Hệ thống	Tỷ lệ trẻ có hồ sơ	Số hồ sơ đã có CCCD	Tỷ lệ hồ sơ có CCCD
1	Tỉnh Ninh Bình	1.021.563	1.013.613	99,22%	947.970	93,52%
2	Thành phố Hải Phòng	1.003.000	971.147	96,82%	892.149	91,87%
3	Tỉnh Thanh Hoá	990.857	957.211	96,60%	872.205	91,12%
4	Tỉnh Hưng Yên	762.212	734.617	96,38%	639.353	87,03%
5	Tỉnh Hà Tĩnh	375.813	359.752	95,73%	341.275	94,86%
6	Tỉnh Lai Châu	156.485	148.752	95,06%	124.747	83,86%
7	Tỉnh Quảng Ninh	345.299	323.954	93,82%	289.324	89,31%
8	Thành phố Hà Nội	2.089.246	1.926.009	92,19%	1.820.468	94,52%
9	Tỉnh Điện Biên	231.359	212.526	91,86%	205.435	96,66%
10	Tỉnh Thái Nguyên	445.247	376.101	84,47%	327.263	87,01%
11	Tỉnh Quảng Trị	449.341	378.189	84,17%	304.539	80,53%
12	Tỉnh Khánh Hòa	463.935	384.302	82,84%	351.373	91,43%
13	Tỉnh Phú Thọ	994.161	812.274	81,70%	651.741	80,24%
14	Tỉnh Sơn La	401.905	328.365	81,70%	299.148	91,10%
15	Tỉnh Quảng Ngãi	496.948	397.401	79,97%	330.996	83,29%
16	Tỉnh Bắc Ninh	972.769	776.082	79,78%	655.935	84,52%
17	Tỉnh Tuyên Quang	563.269	445.267	79,05%	376.122	84,47%
18	Tỉnh Nghệ An	1.026.679	808.199	78,72%	608.566	75,30%
19	Tỉnh Gia Lai	783.366	616.153	78,65%	456.254	74,05%
20	Tỉnh Đồng Nai	1.033.443	807.973	78,18%	696.536	86,21%
21	Tỉnh Vĩnh Long	646.980	499.372	77,19%	405.116	81,13%
22	Thành phố Đà Nẵng	710.127	542.397	76,38%	508.271	93,71%
23	Tỉnh An Giang	844.407	637.968	75,55%	517.477	81,11%
24	Tỉnh Cao Bằng	159.869	118.549	74,15%	108.540	91,56%
25	Tỉnh Đồng Tháp	700.410	503.617	71,90%	398.141	79,06%
26	Tỉnh Cà Mau	433.602	310.945	71,71%	264.200	84,97%
27	Thành phố Cần Thơ	683.879	478.979	70,04%	430.967	89,98%
28	Tỉnh Lâm Đồng	838.995	583.318	69,53%	468.427	80,30%
29	Tỉnh Tây Ninh	605.834	417.166	68,86%	333.877	80,03%
30	Tỉnh Lào Cai	490.962	334.029	68,04%	245.068	73,37%
31	Tỉnh Đắk Lắk	774.705	487.600	62,94%	347.175	71,20%
32	Thành phố Huế	280.049	169.799	60,63%	158.560	93,38%
33	Tỉnh Lạng Sơn	231.940	140.404	60,53%	106.509	75,86%
34	Thành phố Hồ Chí Minh	2.646.575	1.498.490	56,62%	1.269.333	84,71%
	Tổng cộng	24.655.231	19.500.520	79,09%	16.753.060	85,91%

² Theo công bố của Tổng Cục Thống kê ngày 01/4/2025